

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HS-ST
Ngày 28-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Văn Khánh;

2. Ông Ngô Văn Lâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Ngọc Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Phan Văn Khai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Huỳnh Thanh T; tên gọi khác: Không; sinh ngày 27 tháng 4 năm 1989, tại: huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Nơi cư trú: Thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T1 và bà Cao Thị C; vợ: Đã ly hôn vợ, hiện đang sống chung như vợ chồng với Đinh Thị R1, sinh năm 1985; có 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân, bị cáo bị xử phạt 01 năm tù tại bản án số 108/2013/HSST ngày 26/12/2013 của Tòa án E1. Chấp hành hình phạt tù xong ngày 28/8/2014; chấp hành hình phạt bổ sung xong ngày 25/10/2019.

Ngày 13/11/2019 bị Công an huyện Q xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 20/7/2021 cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Ông Phan Tấn T2, sinh năm 1962,

Địa chỉ: Thôn Y, xã U, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Nhật N, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số 50, đường D, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

(Vắng mặt).

2. Chị Trương Thị T3; sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn E, xã R, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 50 phút, ngày 12/7/2021, bị cáo Huỳnh Thanh T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe NOUVO, màu đen, biển kiểm soát 76E1-211.72 đến tiệm tạp hóa của ông Phan Tấn T2 ở thôn Y, xã U, huyện S để mua thuốc lá. Bị cáo thấy ông T2 đang nằm ngủ trên võng ở phòng khách, trên bàn có 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG A50S, màu xanh nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Sau khi quan sát không có ai xung quanh, bị cáo đã lén lút lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần và nhanh chóng rời đi. Bị cáo T đem chiếc điện thoại đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Nhật N ở số 50, đường D, thành phố Quảng Ngãi bán được số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTTHS ngày 14/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện S kết luận: 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG A50S, màu xanh, số Imei1: 352050112017008/01, số Imei2: 352050112017008/01, tình trạng đã qua sử dụng có giá trị 2.950.000 đồng (Hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Kết luận giám định số 691/KLGD-PC09 ngày 10/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi giám định về đoạn clip ghi lại từ camera an ninh của nhà ông Phan Tấn T2 xác định: “Có 20 hình ảnh đại diện thể hiện hình ảnh người trong 02 tập tin video, là nam giới, đội mũ màu đen có vành, đeo khẩu trang, mặc áo thun màu xanh ngắn tay, quần dài màu xanh, đi xe mô tô”.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Huỳnh Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với kết luận giám định, lời khai bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 27/CT-VKS ngày 04/10/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo Huỳnh Thanh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố; tài sản đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu.

Về phần dân sự: Ông Phan Tấn T2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; tuyên bố bị cáo Huỳnh Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù.

Đối với anh Nguyễn Nhất N, là người mua chiếc điện thoại của bị cáo. Tuy nhiên, anh N không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S không đề cập xử lý là phù hợp.

Về xử lý vật chứng: Hoàn trả lại cho chủ sở hữu và tịch thu, tiêu hủy theo quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Bị cáo không tranh luận về tội danh và khung hình phạt đối với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị 2.950.000 đồng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ; hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S, truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo ý thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội; đã từng bị xử phạt tù và xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nên cần xử lý nghiêm khắc, phù hợp với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản đã được trả lại cho chủ sở hữu, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng; có nhân thân xấu, bị nghiện ma túy nên cần buộc bị cáo chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời hạn nhất định mới đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG A50S, màu xanh, số Imei1: 352050112017008/01, số Imei2: 352050112017008/01, đã trả lại cho chủ sở hữu ông Phan Tấn T2;

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe NOUVO, màu đen, biển kiểm soát 76E1-211.72 đã trả lại cho chủ sở hữu chị Trương Thị T3;

Đối với số tiền 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm ngàn đồng), trong đó có 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là tiền của bị cáo bán điện thoại do trộm cắp mà có; 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) là tiền riêng của bị cáo T. Cơ quan Điều tra đã trả lại số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho anh Nguyễn Nhất N và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho bị cáo T.

Các đương sự không có yêu cầu gì nên không xét.

Đối với vật chứng bị thu, giữ gồm: 01 khẩu trang bằng vải; 01 áo thun màu xanh ngắn tay; 01 quần jeans màu xanh, ống dài; 01 mũ có vành tròn, màu đen. Tất cả đều đã qua sử dụng, bị cáo từ chối nhận và không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/10/2021 giữa cơ quan Điều tra và cơ quan Thi hành án dân sự huyện S.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, về mức hình phạt và xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Huỳnh Thanh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Thanh T 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 20/7/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01 khẩu trang bằng vải, màu xanh; 01 áo thun ngắn tay, loại có cổ, màu xanh, phần ngực áo bên trái có dòng chữ “FIRELINE màu trắng”; 01 quần jeans màu xanh, ống dài; 01 mũ có vành tròn, màu đen, ở một mặt của mũ được thêu hai sọc thẳng đứng song song, bên dưới có dòng chữ “BTS” màu trắng. Tất cả đều đã qua sử dụng, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/10/2021 giữa cơ quan Điều tra và cơ quan Thi hành án dân sự huyện S.

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Huỳnh Thanh T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều

9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Nhà tạm giữ CA huyện S;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện S;
- Cơ quan THAHS Công an huyện S;
- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS huyện S;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã R, huyện Q;
- Bị cáo; người có liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Chí Ngãi